

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04211**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Sinh lý thực vật - Giống CT**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163415	Dương Lâm Anh	01/11/2008			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	2356201163416	Lê Thị Kim Anh	31/03/2008			8	9	9.0	8.0	10.0	10.0	10.0		9.6
3	2356201163417	Thái Thiện Ân	07/04/2008			9	9	9.0	10.0	9.5	9.5	10.0		9.8
4	2356201163418	Ngô Minh Chánh	16/11/2008			6	7	6.5	7.0	7.0	8.0	5.0		5.8
5	2356201163419	Lê Thị Ngọc Chi	06/10/2008			8	9	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0		9.0
6	2356201163420	Dương Hoàng Hiều	09/04/2008			8	8	6.0	7.0	6.0	7.0	8.5		7.8
7	2356201163421	Nguyễn Huỳnh Hữu Huy	25/04/2008			8	9	9.5	7.0	8.5	9.5	10.0		9.4
8	2356201163422	Trương Hoàng Huy	10/10/2006			7	6	5.5	5.0	6.0	7.0	9.0		7.8
9	2356201163423	Chau Ny Kanl	12/12/2008			6	8	6.5	7.0	0.0	9.5	7.5		6.9
10	2356201163424	Lê Phúc Khang	05/04/2008			6	6	5.0	7.0	7.0	9.0	7.0		6.9
11	2356201163425	Trần Văn Khánh	05/03/2005			0	0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
12	2356201163426	Trương Nguyễn Khoa	29/11/2007			7	6	6.0	5.0	6.0	5.0	5.0		5.3
13	2356201163427	Nguyễn Thị Khánh Ly	29/12/2006			7	8	7.0	10.0	7.0	9.5	10.0		9.3
14	2356201163428	Nguyễn Văn Mãi	04/11/2008			8	7	7.5	7.0	7.0	8.5	8.5		8.1
15	2356201163429	Dương Văn Minh	12/07/2006			8	7	9.5	9.0	9.0	10.0	7.5		8.1
16	2356201163430	Nguyễn Thiện Nam	26/06/2008			6	7	6.0	5.0	5.0	5.0	9.0		7.6
17	2356201163431	Lê Thị Ngọc Ngà	02/08/2008			8	8	8.5	10.0	9.0	9.5	10.0		9.6
18	2356201163432	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/03/2006			8	8	10.0	10.0	9.0	10.0	10.0		9.8
19	2356201163433	Đoàn Trọng Nghĩa	25/12/2007			6	8	5.0	7.0	5.0	8.5	9.0		8.0
20	2356201163434	Nguyễn Văn Nguyên	10/07/2008			7	8	7.5	10.0	5.0	8.5	10.0		9.1
21	2356201163435	Phạm Đặng Khôi Nguyên	10/01/2008			8	7	8.5	10.0	6.0	9.0	9.5		9.0
22	2356201163436	Nguyễn Thanh Nhân	06/05/2008			8	6	6.0	7.0	7.0	8.0	9.5		8.5
23	2356201163437	Nguyễn Huỳnh Phát	28/04/2000			6	6	7.0	8.0	8.0	10.0	10.0		9.1
24	2356201163438	Nguyễn Hoàng Phúc	18/01/2008			7	7	5.0	8.0	5.0	9.0	9.5		8.4
25	2356201163439	Nguyễn Nhựt Qui	17/03/2008			5	5	5.0	6.0	5.0	5.0	9.5		7.8
26	2356201163440	Lê Huỳnh Thành	01/05/2008			6	7	6.0	7.0	6.0	8.0	7.5		7.2
27	2356201163441	Nguyễn Tấn Thông	16/11/2008			8	7	6.0	7.0	6.0	10.0	7.0		7.1
28	2356201163442	Nguyễn Thị Minh Thư	18/04/2008			8	9	8.5	7.0	9.0	10.0	7.5		7.9
29	2356201163443	Nguyễn Phạm Thanh Tiến	04/04/2008			7	6	5.0	5.0	6.0	5.0	8.5		7.3
30	2356201163444	Lương Phú Toàn	15/09/2008			7	6	9.0	7.0	8.5	9.0	9.5		8.9
31	2356201163445	Chau Sát Trí	11/09/2008			7	6	8.0	7.0	7.0	10.0	6.5		7.0
32	2356201163446	Bùi Vĩnh Tường	14/06/2008			8	6	8.0	7.0	5.0	7.0	7.0		6.9
33	2356201163447	Nguyễn Đông Uy	20/05/2005			7	7	9.5	9.0	6.0	9.0	10.0		9.2
34	2356201163448	Phan Thanh Vĩ	23/04/2008			7	8	8.5	7.0	5.0	8.5	7.0		7.1
35	2356201163449	Nguyễn Ngọc Lan Vy	20/03/2008			9	8	9.0	10.0	7.0	9.0	10.0		9.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 16 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Cao Thị Thùy Trang